

Bản án số: 20/2022/HS-PT
Ngày: 06-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh
Ông Vũ Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 100/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Bị cáo kháng cáo:

Phạm Văn Đ; sinh năm 1993; nơi sinh và cư trú: Xóm 22, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1963 và bà Trần Thị D, sinh năm 1964; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 và có 02 con đều sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06-8-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn P; sinh năm 1969; cư trú tại: Xóm 4, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn D1; sinh năm 1986; cư trú tại: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (Vắng mặt);

2. Chị Phạm Thị H1; sinh năm 1986; cư trú tại: Xóm 2A, xã H, huyện H, tỉnh N (Có mặt);

3. Anh Phạm Văn Đ1; sinh năm 1991; cư trú tại: Xóm 22, xã H, huyện H, tỉnh N (Có mặt);

4. Bà Trần Thị D; sinh năm 1964; cư trú tại: Xóm 22, xã H, huyện H, tỉnh N (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị H (Vắng mặt);

2. Chị Vũ Thị Tuyết D2 (Vắng mặt);

3. Anh Trần Văn D3 (Vắng mặt);

4. Anh Ngô Văn T (Vắng mặt).

Ngoài ra vụ án còn có bị cáo Phan Văn P và bị cáo Hoàng Thị X không kháng cáo, Toà án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 21-02-2021, Phạm Văn Đ rủ Phan Văn P đi thuê xe ô tô tự lái làm phương tiện đi lại. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 18H1-027.10 chở P đến cửa hàng cho thuê xe ô tô tự lái “Thành Đạt” ở xóm 4, xã Hải Bắc do ông Nguyễn Văn P làm chủ. Đến nơi, P đứng ngoài, Đ vào gặp và ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn P, thuê xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-14655, thời hạn thuê 04 ngày, tiền thuê 800.000 đồng/01 ngày, trả trước 3.000.000 đồng. Đ gửi lại xe mô tô BKS 18H1-027.10 ở cửa hàng, nhận giấy tờ xe từ ông P và điều khiển xe ô tô BKS 29H-14655 chở Phan Văn P đến xưởng gỗ của anh Ngô Văn Từ để xem mua gỗ. Khi đến cổng chào xã Hải Vân, Đ nhớ đã mua gỗ và nợ anh Từ số tiền 1.400.000.000 đồng nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô vừa thuê bằng hình thức đem thế chấp vay tiền trả nợ anh T.

Đ chở P đến nhà Hoàng Thị X ở xóm 6, xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Đ quen biết X vì cuối năm 2020, Đ mua bảo hiểm thai sản cho vợ và còn nợ X số tiền 32.000.000 đồng. Trên đường đi, Đ trao đổi và nhờ Phan Văn P đứng tên thế chấp xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER BKS 29H-14655 để vay tiền của bà X cho Đ. Vào nhà X, Đ đặt vấn đề P muốn thế chấp xe ô tô để vay số tiền 150.000.000 đồng làm ăn kinh doanh. X đồng ý và yêu cầu P viết giấy vay tiền đề ngày 21-02-2021, nội dung vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, không ghi lãi suất, kèm theo nội dung: Nếu 10 ngày P không trả tiền thì phải chuyển nhượng xe cho X. Do X chỉ có 100.000.000 đồng nên đã gọi cho anh Nguyễn Văn D1 vay số tiền 50.000.000 đồng. X thỏa thuận miệng với Đ và P lãi suất vay 4.000đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 144%/năm) và trừ lấy luôn tiền lãi suất 10 ngày là 6.000.000 đồng, đưa lại cho Phan Văn P 144.000.000 đồng. P nhận tiền, đưa lại cho Đ, cả hai để lại xe ô tô cùng giấy tờ xe rồi ra về. Số tiền 144.000.000 đồng Đ đã trả nợ cho anh Ngô Văn Từ. Hết hạn hợp đồng, do không có tiền trả cho X nên Đ, P xin gia hạn trả nợ. Từ ngày 06-3-

2021 đến ngày 29-3-2021, Đ đã trả cho X số tiền lãi là 17.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Ngày 14-5-2021, bà Trần Thị D, anh Phạm Văn Đ1, chị Phạm Thị H1 là mẹ đẻ, anh trai, chị gái Đ đến gặp X đặt vấn đề nhận nợ thay cho Đ, P. X đồng ý và chốt tính tiền lãi đến ngày 14-5-2021. Sau khi viết lại giấy nhận nợ 150.000.000 đồng hạn đến 14-6-2021 sẽ thanh toán, anh Đ1 chuyển khoản cho X số tiền 50.000.000 đồng, gồm 32.000.000 đồng là tiền Đ nợ mua bảo hiểm của X và 18.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 14-5-2021. Tổng số tiền lãi mà X đã nhận tính từ ngày 21-02-2021 đến ngày 14-5-2021 (tổng 83 ngày) là 41.000.000 đồng, bằng 120%/năm. Số tiền lãi Hoàng Thị X chiếm hưởng trái phép là 34.178.083 đồng, X đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Phạm Văn Đ và Phan Văn P thế chấp xe ô tô của ông P để vay tiền. Hết hạn hợp đồng thuê xe, do không thấy Đ trả xe nên ông P nhiều lần điện thoại cho Đ nhưng Đ xin thuê thêm. Từ ngày 21-02-2021 đến ngày 03-5-2021, theo thỏa thuận, Đ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn P số tiền thuê xe là 57.600.000 đồng nhưng mới trả 37.400.000 đồng. Ngày 06-5-2021, do nhiều lần đòi xe nhưng Đ không trả, bằng hệ thống định vị, ông P đã sử dụng chìa khóa phụ xe oto để điều khiển, đưa xe ô tô BKS 29H-14655 về trình báo Công an huyện Hải Hậu và thông báo cho gia đình Đ biết. Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Văn Đ, Phạm Văn P và Hoàng Thị X đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 19-5-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-14655, tại thời điểm định giá là 460.000.000 đồng.

Bị hại ông Nguyễn Văn P không yêu cầu về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ và bị cáo P.

Bà D, anh Đ1, chị H1 công nhận đã nhận nợ và bỏ tiền ra thanh toán tiền nợ mua bảo hiểm, tiền lãi còn lại của Đ cho X nhưng gia đình hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện trả số tiền 150.000.000 đồng, đề nghị xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là của Đ. Đối với số tiền gia đình đã bỏ ra giúp Đ trả cho X, gia đình chưa đề nghị Đ phải hoàn lại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 100/2021/HS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS),

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06-8-2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01-01-2022 bị cáo Phạm Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, nhưng mức hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là quá cao, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về làm người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện tác động nhờ gia đình nộp một phần nghĩa vụ về dân sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố bị khuyết tật, vợ không có việc làm, mới sinh đôi hai con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội làm lại cuộc đời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Bị cáo có hành vi thuê xe ô tô của ông P để tự lái nhưng ngay sau đó mang đi cầm cố nhằm mục đích chiếm đoạt, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, mức hình phạt 09 năm tù là phù hợp, tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ mới thể hiện đã tự nguyện tác động nhờ gia đình nộp một phần nghĩa vụ về dân sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính, người bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Phạm Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị hại ông Nguyễn Văn P trình bày: Bị cáo phạm tội một phần do thiếu hiểu biết, hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, làm ăn thua lỗ, bố bị khuyết tật, con nhỏ, thiết tha đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ thấy rằng: Khoảng 15 giờ ngày

21-02-2021, Phạm Văn Đ có hành vi thuê xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, BKS 29H-14655 trị giá 460.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn P ở xóm 4 xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu đem thế chấp cho Hoàng Thị X để vay số tiền 150.000.000 đồng ngay sau khi thuê, quá thời hạn thuê xe ông P đòi nhiều lần, nhưng bị cáo khất lần không trả. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS, nên cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[3] Về mức hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS tuyên phạt bị cáo 09 năm tù là tương đối phù hợp. Tuy nhiên, ngay sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình thực hiện một phần nghĩa vụ dân sự theo bản án, nộp số tiền 30.000.000 đồng và xuất trình chứng cứ thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố đẻ sức khỏe yếu, đang hưởng trợ cấp xã hội người khuyết tật, vợ không công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định lại vừa sinh đôi hai con, bị cáo là lao động chính, bị hại tiếp tục làm đơn cho rằng hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo là quá nặng, xin giảm hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, hơn nữa xét việc bị cáo vi phạm thời hạn trả xe và tự ý mang xe đi cầm cố, nhưng bị cáo có xin gia hạn thuê xe thông qua điện thoại được bị hại đồng ý và nhiều lần chuyển trả tiền thuê xe cho bị hại, tổng cộng được 37.400.000 đồng cho 72 ngày thuê xe, nay bị hại đã nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo trả nốt số tiền thuê xe còn thiếu, nên hậu quả tội phạm cơ bản đã được khắc phục, bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Do vậy, cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về chăm lo cho gia đình, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với khoản tiền lãi chưa vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị cáo Đ đã trả cho bị cáo X là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, cần tuyên truy thu của bị cáo X để sung quỹ nhà nước theo hướng dẫn tại mục 1 phần I Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân Tối cao, tuy nhiên do sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này và số tiền không lớn, nên cấp phúc thẩm không điều chỉnh làm xấu đi tình trạng của bị cáo X, nhưng cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm để tránh sai sót tương tự. Đối với số tiền vợ bị cáo nộp thay cho bị cáo tại Cục thi hành án tỉnh Nam Định được đối trừ vào nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo. Về số tiền lãi nhiều hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật bị cáo X phải trả cho bị cáo Đ, bị cáo X đã nộp cho cơ quan điều tra, sau đó được nộp vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định theo biên lai thu tiền số 0003703 ngày 22-12-2021 thể hiện là 34.179.000 đồng (Ba mươi tư triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng) (BL 452), nhưng tại phần quyết định bản án sơ

thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Đ 37.179.000 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng) là không chính xác, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải điều chỉnh lại để bảo đảm công tác thi hành bản án.

[5] Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06-8-2021;

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Đối với số tiền 34.179.000 đồng (Ba mươi tư triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng) bị cáo X nộp cho cơ quan điều tra, sau đó được nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định theo biên lai thu tiền số 0003703 ngày 22-12-2021 và số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) vợ bị cáo Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003801 ngày 02-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định được đối trừ vào khoản tiền bị cáo Phạm Văn Đ phải thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQX4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Văn Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo Phạm Văn Đ;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA huyện Hải Hậu;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Hải Hậu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh ND;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Bạch Tuyết
(Đã ký)**